

Hà Nội, ngày 25/05/2018

**BẢN TIN**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**  
**CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ DÂN SINH**  
**(Lưu vực sông Srêpôk)**  
**(Tuần từ 25/05 đến 31/05/2018)**

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1.1. Lượng mưa**

| TT                | Trạm          | Lượng mưa trong tuần (mm) | Lượng mưa tích lũy từ đầu năm | So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)<br>(So sánh với cột (4)) |             |              |             | Dự báo tình hình mưa tuần tới (mm) |
|-------------------|---------------|---------------------------|-------------------------------|--|-------------|--------------|-------------|------------------------------------|
|                   |               |                           |                               | TBNN   | Năm 2017    | Năm 2016     | Năm 2015    |                                    |
| (1)               | (2)           | (3)                       | (4)                           | (5)  | (6)         | (7)          | (8)         | (1)                                |
| 1                 | Buôn Ma Thuột | 30,3                      | 300,1                         | -0,4%  | -55%        | +72%         | +96%        | 40                                 |
| 2                 | M'Đrắk        | 1,9                       | 255                           | -29%   | -80%        | +41%         | -83%        | 20                                 |
| 3                 | Ea Soup       | 0                         | 0                             | -100%  | -100%       | -100%        | -100%       | 36                                 |
| 4                 | Ea H'Leo      | 18,8                      | 246,5                         | -20%   | -61%        | -41%         | -89%        | 27                                 |
| 5                 | Buôn Hồ       | 14,9                      | 225                           | -20%   | -69%        | -10%         | -85%        | 46                                 |
| 6                 | Đức Xuyên     | 21                        | 299                           | -9,2%  | -46%        | +78%         | -84%        | 43                                 |
| 7                 | Giang Sơn     | 41                        | 242                           | -16%   | -47%        | +30%         | -87%        | 49                                 |
| 8                 | Bản Đôn       | 47                        | 212                           | -26%   | -43%        | +0,2%        | -82%        | 40                                 |
| <b>Trung bình</b> |               | <b>22,8</b>               | <b>228,2</b>                  | <b>-22%</b>  | <b>-60%</b> | <b>-1,4%</b> | <b>-87%</b> | <b>38</b>                          |

**Nhận xét:** Tuần qua lượng mưa dự báo trung bình lưu vực chênh lệch khoảng 9mm so với số liệu thực đo. Dự báo tuần từ 25/V ÷ 31/V/2018 có lượng mưa từ 10 ÷ 50mm. Lượng mưa lũy tích từ tháng I/2018 đến trước tuần dự báo so với TBNN cùng kỳ không đều trên toàn lưu vực, hầu hết các trạm thấp hơn từ 9 ÷ 100%, riêng ở Buôn Ma Thuột tương đương với TBNN. So sánh với cùng kỳ năm 2017, lượng mưa lũy tích tại hầu hết các trạm đều thấp hơn từ 43 ÷ 100%. So sánh với cùng thời kỳ năm 2016, lượng mưa lũy tích có vùng cao hơn từ 0,2 ÷ 78%, có nơi thấp hơn 10 ÷ 100%.

**1.2. Ngược trong các công trình thủy lợi, thủy điện**

**a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi**

| TT  | Tên công trình    | Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> ) | W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%) | Chênh lệch hiện tại so với cùng kỳ các năm (+/-)<br>(Chênh lệch cột (3) với các năm) |      |      | Dự báo xu thế nguồn nước | Dự kiến W trữ cuối vụ (%) |
|-----|-------------------|--|---|--|------|------|--------------------------|---------------------------|
|     |                   |  |   | TBNN   | 2016 | 2015 |                          |                           |
| (1) | (2)               | (2)  | (3)                                       | (4)  | (5)  | (6)  | (7)                      | (8)                       |
| 1   | Hồ Hoàng Ân       | 6,80   | 31%                                       | -6%  | +5%  | +5%  | Tăng                     | 100%                      |
| 2   | Hồ TT Chư Prông   | 4,13   | 44%                                       | +8%  | +7%  | +8%  | Tăng                     | 100%                      |
| 3   | Hồ Plepai-Ialốp   | 16,98  | 34%                                       | +7%  | +8%  | +8%  | Tăng                     | 72%                       |
| 4   | Hồ Ia Glei        | 3,60   | 54%                                       | +10%   | +6%  | +6%  | Tăng                     | 100%                      |
| 5   | Hồ Đrao I         | 2,22   | 73%                                       | +3%  | +4%  | +1%  | Tăng                     | 100%                      |
| 6   | Hồ Buôn Jong      | 17,34  | 59%                                       | +1%  | +1%  | -4%  | Tăng                     | 100%                      |
| 7   | Ea Kao            | 17,76  | 29%                                       | -5%  | -6%  | -6%  | Tăng                     | 100%                      |
| 8   | Hồ Ea Chur Kấp hạ | 11,20  | 88%                                       | -4%  | +1%  | -3%  | Tăng                     | 100%                      |
| 9   | Hồ Buôn Triết     | 25,00  | 66%                                       | -1%  | +14% | +6%  | Tăng                     | 100%                      |
| 10  | Hồ Ea Kuăng       | 5,50   | 67%                                       | +4%  | +15% | +12% | Tăng                     | 76%                       |

| TT               | Tên công trình      | Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> ) | W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%) | Chênh lệch hiện tại so với cùng kỳ các năm (+/-)<br>(Chênh lệch cột (3) với các năm) |            |            | Dự báo xu thế nguồn nước | Dự kiến W trữ cuối vụ (%) |
|------------------|---------------------|--|---|--|------------|------------|--------------------------|---------------------------|
|                  |                     |  |   | TBNN   | 2016       | 2015       |                          |                           |
|                  | (1)                 | (2)  | (3)                                       | (4)  | (5)        | (6)        | (7)                      | (8)                       |
| 11               | Hồ Vụ Bồn           | 5,04   | 43%                                       | -3%  | -3%        | -4%        | Tăng                     | 97%                       |
| 12               | Hồ Krông Buk hạ     | 109,34   | 48%                                       | -13%   | +3%        | -6%        | Tăng                     | 100%                      |
| 13               | Hồ Yang Reh         | 5,46   | 45%                                       | -13%   | +6%        | -3%        | Tăng                     | 100%                      |
| 14               | Hệ thống hồ Ea Soup | 156,19   | 29%                                       | 0%   | +4%        | 0%         | Tăng                     | 100%                      |
| 15               | Hồ Ea Kar           | 11,50  | 57%                                       | -3%  | +8%        | -1%        | Tăng                     | 100%                      |
| 16               | Hồ Trung Tâm        | 1,22   | 86%                                       | +7%  | +20%       | +12%       | Tăng                     | 99%                       |
| 17               | Hồ Ea Rót           | 18,53  | 45%                                       | -40%   | -36%       | -37%       | Tăng                     | 100%                      |
| 18               | Hồ Đăk Đrông        | 4,22   | 9%  | -10%   | +3%        | 0%         | Tăng                     | 100%                      |
| 19               | Hồ Trúc Sơn         | 0,93   | 27%                                       | -14%   | +9%        | +1%        | Tăng                     | 100%                      |
| 20               | Hồ Đăk Diêr         | 5,92   | 7%  | -42%   | -21%       | -31%       | Tăng                     | 100%                      |
| 21               | Hồ Đăk Săk          | 7,52   | 71%                                       | 0%   | +14%       | -1%        | Tăng                     | 100%                      |
| 22               | Hồ Đăk Nang         | 2,76   | 100%                                      | +19%   | +29%       | +22%       | Giảm                     | 100%                      |
| 23               | Hồ công ty 847      | 1,11   | 68%                                       | -2%  | +15%       | +3%        | Tăng                     | 100%                      |
| 24               | Hồ Tây              | 3,33   | 66%                                       | -2%  | +7%        | +1%        | Tăng                     | 89%                       |
| 25               | Hồ Đăk Goun thượng  | 1,02   | 46%                                       | -8%  | +10%       | +2%        | Tăng                     | 100%                      |
| 26               | Hồ Đăk N' der 2     | 0,49   | 88%                                       | +14%   | +26%       | +18%       | Tăng                     | 100%                      |
| 27               | Hồ Đô Ry 2          | 1,32   | 64%                                       | +6%  | +11%       | +3%        | Tăng                     | 100%                      |
| 28               | Hồ Buôn R'cập       | 0,52   | 100%                                      | +57%   | +80%       | +79%       | Giảm                     | 100%                      |
| <b>Tổng cộng</b> |                     | <b>446,93</b>                                  | <b>43%</b>                                | <b>-5%</b>   | <b>+3%</b> | <b>-3%</b> | <b>Giảm</b>              |                           |

**Nhận xét:** Dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 192,18 triệu m<sup>3</sup>, đạt 43% so với dung tích thiết kế. Cao hơn năm 2016 là 3%.

**b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du**

| TT                | Tên công trình | Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> ) | Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> ) | So sánh với cùng kỳ (+/-%) |                |                | Dự báo lượng nước đến hồ (m <sup>3</sup> /s) | Lượng nước bổ sung cho hạ du (m <sup>3</sup> /s) |
|-------------------|----------------|--|--|----------------------------|----------------|----------------|--|--|
|                   |                |  |  | TBNN                       | Năm 2016       | Năm 2015       |  |  |
| 1                 | Buôn Tua Srah  | 522,60   | 69,34  | -8%                        | 0%             | -4%            | 50,88  | 54,93  |
| 2                 | Buôn Kuop      | 14,70  | 5,62   | -11%                       | -56%           | 32%            | 92,56  | 79,49  |
| 3                 | Srêpôk 3       | 62,85  | 47,83  | 10%                        | 36%            | 0%             | 114,25                                       | 105,29   |
| <b>Trung bình</b> |                | <b>200,05</b>                                  | <b>40,93</b>                                   | <b>-19,55%</b>             | <b>-11,49%</b> | <b>-16,45%</b> | <b>85,90</b>                                 | <b>79,90</b>                                     |

**Nhận xét:** - So với dung tích thiết kế thì hồ thủy điện Buôn Tua Srah đạt 13%, hồ Thủy điện Buôn Kuop đạt 38%, hồ Srêpôk 3 đạt 76% dung tích hồ.

- Dự báo tổng lượng nước đến các hồ thủy điện là 85,9 triệu m<sup>3</sup>, tổng lượng xả qua các nhà máy thủy điện bổ sung nước cho hạ du khoảng 79,9 triệu m<sup>3</sup>.

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

### 2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

- Trong lưu vực sông Srêpôk có 28 công trình vừa và lớn được đưa vào tính toán cân bằng nước với tổng dung tích thiết kế các hồ 447 triệu m<sup>3</sup>, trong đó tổng dung tích hữu ích thiết kế 394 triệu m<sup>3</sup>. Hiện nay các hồ vẫn xấp xỉ MNDBT, chỉ có một số ít hồ cạn nước, tổng dung tích hữu ích của các hồ hiện nay 191 triệu m<sup>3</sup>, trong khi tổng nhu cầu nước từ nay đến cuối vụ Hè Thu chỉ 81,553 triệu m<sup>3</sup> nên về nguồn nước có trong các hồ cơ bản đáp ứng nhu cầu cấp nước.

- Có 1/28 công trình (Hồ Đăk Đrông) nguồn nước bị thiếu do bố trí diện tích cây trồng quá lớn so với dung tích hiệu dụng nên trong vụ Hè Thu cần thiết phải tưới tiết kiệm để đảm bảo nhu cầu nước tối thiểu của cây trồng.

| TT               | Tên công trình      | Dung tích so với thiết kế (%) | Nhiệm vụ sản xuất (ha) | Dự báo vụ Đông Xuân 2017-2018  |                      |                        | Ghi chú    |
|------------------|---------------------|-------------------------------|------------------------|--------------------------------|----------------------|------------------------|------------|
|                  |                     |                               |                        | Dung tích dự báo so với TK (%) | Khả năng đáp ứng (%) | Diện tích đáp ứng (ha) |            |
| 1                | Hồ Hoàng Ân         | 31%                           | 703                    | 100%                           | 100%                 | 703                    | Đủ nước    |
| 2                | Hồ TT ChưPrông      | 44%                           | 287                    | 100%                           | 100%                 | 287                    | Đủ nước    |
| 3                | Hồ Plepai-Ialốp     | 34%                           | 293                    | 72%                            | 100%                 | 293                    | Đủ nước    |
| 4                | Hồ Ia Glei          | 54%                           | 209                    | 100%                           | 100%                 | 209                    | Đủ nước    |
| 5                | Hồ Đrao I           | 73%                           | 176                    | 100%                           | 100%                 | 176                    | Đủ nước    |
| 6                | Hồ Buôn Jong        | 59%                           | 2391                   | 100%                           | 100%                 | 2,391                  | Đủ nước    |
| 7                | Ea Kao              | 29%                           | 968                    | 100%                           | 100%                 | 968                    | Đủ nước    |
| 8                | Hồ Ea Chur Kấp hạ   | 88%                           | 1396                   | 100%                           | 100%                 | 1,396                  | Đủ nước    |
| 9                | Hồ Buôn Triết       | 66%                           | 1492                   | 100%                           | 100%                 | 1,492                  | Đủ nước    |
| 10               | Hồ Ea Kuãng         | 67%                           | 637                    | 76%                            | 100%                 | 637                    | Đủ nước    |
| 11               | Hồ Vụ Bồn           | 43%                           | 249                    | 97%                            | 100%                 | 249                    | Đủ nước    |
| 12               | Hồ Krông Buk hạ     | 48%                           | 7415                   | 100%                           | 100%                 | 7,415                  | Đủ nước    |
| 13               | Hồ Yang Reh         | 45%                           | 316                    | 100%                           | 100%                 | 316                    | Đủ nước    |
| 14               | Hệ thống hồ Ea Soup | 29%                           | 5247                   | 100%                           | 100%                 | 5,247                  | Đủ nước    |
| 15               | Hồ Ea Kar           | 57%                           | 1180                   | 100%                           | 100%                 | 1,180                  | Đủ nước    |
| 16               | Hồ Trung Tâm        | 86%                           | 487                    | 99%                            | 100%                 | 487                    | Đủ nước    |
| 17               | Hồ Ea Rót           | 45%                           | 2150                   | 100%                           | 100%                 | 2,150                  | Đủ nước    |
| 18               | Hồ Đăk Đrông        | 9%                            | 497                    | 100%                           | 84%                  | 417                    | Thiếu nước |
| 19               | Hồ Trúc Sơn         | 27%                           | 296                    | 100%                           | 100%                 | 296                    | Đủ nước    |
| 20               | Hồ Đăk Diêr         | 7%                            | 1257                   | 100%                           | 100%                 | 1,257                  | Đủ nước    |
| 21               | Hồ Đăk Sắk          | 71%                           | 1169                   | 100%                           | 100%                 | 1,169                  | Đủ nước    |
| 22               | Hồ Đăk Nang         | 100%                          | 244                    | 100%                           | 100%                 | 244                    | Đủ nước    |
| 23               | Hồ công ty 847      | 68%                           | 222                    | 100%                           | 100%                 | 222                    | Đủ nước    |
| 24               | Hồ Tây              | 66%                           | 357                    | 89%                            | 100%                 | 357                    | Đủ nước    |
| 25               | Hồ Đăk Goun thượng  | 46%                           | 166                    | 100%                           | 100%                 | 166                    | Đủ nước    |
| 26               | Hồ Đăk N' der 2     | 88%                           | 81                     | 100%                           | 100%                 | 81                     | Đủ nước    |
| 27               | Hồ Đô Ry 2          | 64%                           | 244                    | 100%                           | 100%                 | 244                    | Đủ nước    |
| 28               | Hồ Buôn R' cập      | 100%                          | 159                    | 100%                           | 100%                 | 159                    | Đủ nước    |
| <b>Tổng cộng</b> |                     | <b>43%</b>                    |                        |                                |                      |                        |            |

## 2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Bảng tổng hợp thông tin nguồn nước và nhu cầu nước vùng nằm ngoài công trình thủy lợi theo kịch bản kiến nghị tính toán.

| TT                | Trạm          | Vùng                            | Mưa hiện trạng và dự báo (mm) | So với mưa cùng thời đoạn (%) |       |         |
|-------------------|---------------|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------|---------|
|                   |               |                                 |                               | Năm Min                       | TBNN  | Năm Max |
| 1                 | Buôn Ma Thuột | Cư M'Gar<br>Buôn Ma Thuột       | 342,1                         |                               | -5,5% | 0,9%    |
| 2                 | M'Đrăk        | M'Đrăk                          | 274,6                         |                               | -64%  | -90%    |
| 3                 | Ea Soup       | Huyện Ea Soup                   | 35,5                          |                               | -88%  | -91%    |
| 4                 | Ea H'Leo      | Ea Hleo, Chư Sê                 | 273,7                         |                               | -24%  | -22%    |
| 5                 | Buôn Hồ       | Krông Buk, Buôn Hồ<br>Krông Păk | 270,7                         |                               | -16%  | -15%    |
| 6                 | Đức Xuyên     | Lăk, Krông Nô                   | 342,1                         |                               | -12%  | -2,7%   |
| 7                 | Giang Sơn     | Krông Bông, Kư Kuin             | 291,0                         |                               | -17%  | -21%    |
| 8                 | Bản Đôn       | Buôn Đôn                        | 251,6                         |                               | -26%  | -24%    |
| <b>Trung bình</b> |               |                                 | 266,0                         |                               | -23%  | -77%    |

**Nhận xét:** Lượng mưa lũy tích tính từ tháng I năm 2018 đến hết tuần dự báo phân bố không đều trên lưu vực, do lượng mưa các tháng đầu năm thấp nên hầu hết toàn vùng có lượng mưa lũy tích từ trên 200 ÷ 300mm, thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 5,5 ÷ 88%, toàn vùng thấp hơn 23% so với TBNN do đây là những tháng có lượng mưa thấp của lưu vực.

## 2.3. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

| Diện tích gieo trồng (ha) |        |                | Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha) | Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha) | Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha) |          |                           |
|---------------------------|--------|----------------|--|---|--|----------|---------------------------|
| Tổng cộng                 | Lúa    | Cây trồng khác |  |   | Lúc cao nhất   | Hiện tại | Dự báo xu thế (tăng/giảm) |
| 310.000                   | 40.000 | 270.000        |  |   |  |          |                           |

## III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh được lấy từ các hệ thống công trình thủy lợi đủ đảm bảo cấp nước trong tuần tới. Tuy nhiên vẫn cần sử dụng nước tiết kiệm để đảm bảo nguồn nước từ nay đến cuối vụ đông xuân và cho vụ hè thu.

Nhìn chung, đối với những vùng tưới không sử dụng nước từ các công trình thủy lợi, tình hình hạn hán trong vụ Đông Xuân 2017-2018 được dự báo sẽ không khác nghiệt. Tuy nhiên do mùa khô có lượng mưa rất thấp, một số vùng xa vùng có mưa lượng mưa hiệu quả không đáp ứng được 100% nhu cầu nước của cây trồng, nên việc đáp ứng nhu cầu nước cho cây trồng đối với những vùng này vẫn luôn tiềm ẩn khả năng xảy ra hạn hán khi tình hình thời tiết có những diễn biến theo chiều hướng khác nghiệt. Vì vậy cần tích trữ nước đồng thời sử dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, giảm tổn thất bốc hơi mặt ruộng và các công cụ lưu trữ nước khác.

**Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 01/06/2018.**